

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1014/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 08/11/2018

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán:

1/ Bà **Nguyễn Lê Thiên Hương**

2/ Ông **Nguyễn Chí Cao**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Tấn Đông** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01/11/2018 và ngày 08/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2018/TLPT-HNGĐ ngày 06/8/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 592/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4731/2018/QĐ-PT ngày 15/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1983

Địa chỉ: 14A S, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Về phần tài sản chung): Bà **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm 1987. Địa chỉ: 21/4/1 đường 40, khu phố 8, phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2018)

Bị đơn: Ông **Võ Văn T1**, sinh năm 1979

Địa chỉ: 29/9 Y, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Thùy D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung và các bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Bà và ông Võ Văn T1 tự nguyện kết hôn năm 2013, được Ủy ban nhân dân Phường Hy, quận C, Thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91, quyền số 01/2013 ngày 29/8/2013. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, khoảng một năm sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên lạnh nhạt và hành hung bà. Từ tháng 9/2016 đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm với chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên có yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 người con chung tên Võ Chí A, sinh ngày 10/9/2011. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con cho đến tuổi thành niên. Yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đồng.

Về tài sản chung: yêu cầu được chia đôi tài sản chung gồm có:

+ Số tiền 1.604.049.392đồng do trước đây vợ chồng mua trả góp Công ty cổ phần Bất động sản SGD01 căn hộ tại số 3.12 chung cư Sunny Plaza, tọa lạc tại số 110 Phạm Văn Đồng, Gò Vấp. Sau đó, ông T1 đã tự ý thanh lý hợp đồng mua bán và đã được hoàn lại 1.604.049.392đồng;

+ 01 xe ô tô hiệu Hyundai Tucson, biển số 60A – 194.58, số máy :G4NAEU465080, số khung: 81EBFU997877, trị giá khoảng 600.000.000đồng.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Võ Văn T1 trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của bà D về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân gần 02 năm. Ông xác định đã hết tình cảm với bà D, không còn khả năng hàn gắn quan hệ hôn nhân nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 người con chung tên Võ Chí A sinh ngày 10/9/2011. Từ lúc bà D bỏ nhà đi, con chung do ông nuôi dưỡng, chăm sóc; bà D không hề chu cấp gì. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: gồm có:

+ 01 căn hộ số 3.12 chung cư Sunny Plaza, tọa lạc tại số 110 P, quận G mua của Công ty cổ phần Bất động sản SGD(CNSLand) trả góp theo tiến độ hợp đồng bằng tiền cá nhân của ông nhưng do không có khả năng thanh toán nên hai

bên đã thanh lý hợp đồng và công ty đã hoàn lại cho ông số tiền đã đóng là 1.604.049.392đồng

+ 01 xe ô tô hiệu Hyundai Tucson, biển số 60A – 194.58, số máy :G4NAEU465080, số khung: 81EBFU997877, trị giá khoảng 600.000.000đồng.

Theo yêu cầu chia tài sản của bà D, ông không đồng ý chia đôi số tiền đã nhận từ việc thanh lý hợp đồng mua căn hộ vì đây là tiền cá nhân ông. Đối với chiếc xe ô tô đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Về nợ chung: không có.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 592/2018/HNGĐ-ST ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân quận T quyết định:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Văn T1.

Tuyên xử:

1. Về con chung: có 01 con chung tên Võ Chí A, sinh ngày 10/9/2011.

Giao cho ông T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, việc nuôi con và cấp dưỡng cho con có thể thay đổi.

2. Về tài sản chung: gồm có: số tiền 1.604.049.392đồng và 01 xe ô tô hiệu Hyundai Tucson, biển số 60A – 194.58, số máy :G4NAEU465080, số khung: 81EBFU997877, trị giá 600.000.000đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.204.049.392đồng.

+ Bà D được chia tài sản chung trị giá là 1.102.024.696đồng

+ Ông T1 được chia tài sản chung trị giá là 1.102.024.696đồng.

+ Ông T1 có nghĩa vụ giao cho bà D số tiền 1.102.024.696đồng là phần tài sản chung bà D được chia.

+ Ông T1 được toàn quyền sở hữu chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Tucson, biển số 60A – 194.58, số máy :G4NAEU465080, số khung: 81EBFU997877.

3. Về nợ chung: không có.

4. Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1 chậm thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/7/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận T xét xử ngày 26/6/2018. Lý

do kháng cáo Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không khách quan, chưa xem xét đánh giá đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, chưa áp dụng đúng quy định của pháp luật, không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Ngày 23/10/2018, bà Nguyễn Thị Thùy D có Đơn rút một phần nội dung kháng cáo. Bà kháng cáo về con chung, không đồng ý giao cho ông T1 trực tiếp nuôi con Võ Chí A, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung cấp sơ thẩm không đưa công ty cổ phần Bất động sản Đông Dương vào tham gia vụ án là vi phạm tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo về con chung và tài sản chung. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung Võ Chí A, sinh ngày 10/9/2011. Yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đồng. Bà xác nhận từ tháng 8/2016 bà không còn sống chung với ông T1, người con chung ở với ông T1, do ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện tại người con được đi học, phát triển thể chất bình thường. Về tài sản chung: chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson, biển số 60A-194.58 trị giá 600.000.000đồng, bà đồng ý với giá trị xe và cách chia của Tòa án sơ thẩm. Riêng số tiền 1.604.049.392đồng có được từ việc ông T1 thanh lý hợp đồng mua bán căn hộ số 3.12 chung cư Sunny Plaza với Công ty cổ phần Bất động sản SGDBà không đồng ý vì đây là tài sản chung nhưng chỉ có một mình ông T1 ký thanh lý hợp đồng là không đúng. Bà đề nghị đưa công ty vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết khách quan.

Bị đơn ông Võ Văn T1 không đồng ý giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm về con chung và tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đúng và chấp hành pháp luật tại phiên tòa.

Về nội dung: Bà D kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Võ Chí A, sinh ngày 10/9/2011 và không đồng ý việc phân chia số tiền 1.604.049.392 đồng có được từ việc thanh lý hợp đồng mua bán căn hộ 3-12 chung cư Sunny Plaza với Công ty cổ phần Bất động sản SGD. Nhận thấy, người con hiện đang ở với ông T1, ông T1 nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt. người con đã đủ 07 tuổi có nguyện vọng chọn sống với cha. Tòa án cấp sơ thẩm giao ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng con là phù hợp quy định pháp luật, kháng cáo của bà D về nuôi con chung không có căn cứ chấp nhận. Về tài sản chung: Tòa án sơ thẩm xác định số tiền có được trong thời kỳ hôn nhân 1.604.049.392 đồng là tài sản chung của bà D và ông T1, chia đôi cho mỗi bên được nhận 50% số

tiền là có căn cứ. Về yêu cầu triệu tập Công ty cổ phần Bất động sản SGD tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhận thấy công ty không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc giải quyết vụ án. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà D, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D và ông T1 đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn để tiếp tục cuộc sống chung và đều có yêu cầu ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa đôi bên. Bà D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 23/10/2018, bà D rút kháng cáo về phần này. Viện Kiểm sát không kháng nghị nên phần quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà D và ông T1 phát sinh hiệu lực.

Về con chung: Lời khai của bà D, ông T1 thống nhất có 01 người con chung là Võ Chí A, sinh ngày 10/9/2011. Bà D và ông T1 đều cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Xét, nguyện vọng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con của đôi bên đều xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con được phát triển toàn diện về tinh thần lẫn thể chất và được sống ổn định, Hội đồng xét xử xét:

Từ tháng 8/2016 đến nay, bà D xác nhận không còn sống chung với ông T1, người con chung ở với ông T1, do ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Án sơ thẩm nhận định từ khi vợ chồng ly thân, ông T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà D không có sự chăm sóc, cấp dưỡng đối với con. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ đã quyết định giao con chung cho ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 09/10/2018, người con Võ Chí A có nguyện vọng chọn sống với ông T1. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D không xuất trình được chứng cứ nào cho thấy ông T1 không đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng con hay có hành vi cản trở không cho bà thăm nom, chăm sóc con chung. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị giao cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng con để đảm bảo sự ổn định của con. Xét, án sơ thẩm đã cân nhắc xem xét toàn diện căn cứ theo quy định pháp luật. Do vậy cấp phúc thẩm

không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo được trực tiếp nuôi dưỡng con của bà D nên giữ nguyên quyết định về phần con chung của cấp sơ thẩm. Ông T1 tự nguyện không yêu cầu bà D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông T1 và các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của bà D. Bà D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson, biển số 60A-194.58; giấy đăng ký xe do bà Nguyễn Thị Thùy D đứng tên. Bà D và ông T1 khai thống nhất là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, xe trị giá 600.000.000đồng. Ông, bà đồng ý việc phân chia của Tòa sơ thẩm đối với tài sản này. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm giao ông T1 được toàn quyền sở hữu chiếc xe ô tô nhưng không tuyên ông T1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục sang tên chủ sở hữu là chưa đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung thêm phần này.

Xét, tài sản bà D tranh chấp là căn hộ số 3.12 chung cư Sunny Plaza, tọa lạc tại số 110 P, quận G. Nguồn gốc căn hộ nêu trên được ông Võ Văn T1 ký hợp đồng mua bán với Công ty cổ phần Bất động sản SGD vào ngày 08/01/2014 với giá 3.297.202.441 đồng. Ông T1 đã thanh toán nhiều đợt tổng cộng 1.458.249.392 đồng. Theo nội dung hợp đồng mua bán thì ông T1 phải có trách nhiệm thanh toán đủ giá trị hợp đồng mới nhận bàn giao nhà. Căn cứ vào thời điểm ký hợp đồng mua bán thì tài sản trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà D và ông T1, là tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 24/11/2017 giữa công ty và ông T1 thì ông T1 được công ty trả lại số tiền đã thanh toán và số tiền được bồi thường căn hộ, tổng cộng 1.604.049.392 đồng. Theo nội dung đơn khởi kiện bà D cũng thừa nhận nếu bà và ông T1 nhận căn hộ thì phải thanh toán tiếp số tiền còn lại theo giá trị hợp đồng. Như vậy, việc hai bên đã thuận tình ly hôn, không tiếp tục thanh toán số tiền còn lại thì số tiền ông T1 được công ty trả lại 1.604.049.392 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Án sơ thẩm phân chia cho mỗi bên được hưởng 50% số tiền đã nhận là phù hợp với quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử giữ nguyên.

Về yêu cầu của bà D đòi đưa Công ty cổ phần Bất động sản SGD vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét, Công ty cổ phần Bất động sản SGD không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu của bà D không có căn cứ chấp nhận.

Về nợ chung: không có.

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 33, 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí;
- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy D; giữ nguyên án sơ thẩm:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Võ Văn T1.

Giấy chứng nhân kết hôn số 91/2013 quyền số 01/2013 của Ủy ban nhân dân Phường H, quận C, Thành phố Đ cấp ngày 29/8/2013 không còn giá trị kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Võ Chí A, sinh ngày 10/9/2011.

Giao cho ông T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, việc nuôi con và cấp dưỡng cho con có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung: gồm có: số tiền 1.604.049.392 (Một tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu không trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng và 01 xe ô tô hiệu Hyundai Tucson, biển số 60A – 194.58, số máy :G4NAEU465080, số khung: 81EBFU997877, trị giá 600.000.000 (Sáu trăm triệu)đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.204.049.392 (Hai tỷ hai trăm lẻ bốn triệu không trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm chín mươi hai) đồng.

+ Bà D được chia tài sản chung trị giá là 1.102.024.696đồng

+ Ông T1 được chia tài sản chung trị giá là 1.102.024.696đồng.

+ Ông T1 có nghĩa vụ giao cho bà D số tiền 1.102.024.696 (Một tỷ một trăm lẻ hai triệu không trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm chín mươi sáu)đồng là phần tài sản chung bà D được chia.

+ Ông T1 được toàn quyền sở hữu chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Tucson, biển số 60A – 194.58, số máy:G4NAEU465080, số khung: 81EBFU997877. Sau khi thi hành án xong ông T1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đổi tên chủ xe từ bà Nguyễn Thị Thùy D sang ông Võ Văn T1.

4. Về nợ chung: không có.

5. Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1 chậm thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn)đồng, cần trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0006883 ngày 28/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Bà D đã nộp đủ.

7. Án phí chia tài sản chung: Bà D phải chịu 45.060.741 (Bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn bảy trăm bốn mươi một)đồng, cần trừ tiền tạm ứng án phí 20.250.000đồng bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007134 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Bà D còn phải nộp 25.210.741 (Hai mươi lăm triệu hai trăm mười nghìn bảy trăm bốn mươi một)đồng.

Ông T1 phải chịu 45.060.741 (Bốn mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn bảy trăm bốn mươi một)đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn)đồng bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu, cần trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng bà D đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0008664 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Bà D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân quận T, TP HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Ủy ban nhân dân Phường H, quận C, Thành phố Đ;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA